Mẫu số 01-A

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 1314/2026/BC/HĐQT	*Hà nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI
Ký số bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI
Thời gian ký: 12/08/2026. 09:45:59

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

- Mã chứng khoán: HSP
- Địa chỉ: Thôn Văn, Phường Thanh Liệt, Hà Nội
- Điện thoại: 0246883182
- Website: Sondaibang.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026 đã soát xét:

☑ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên năm 2026):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Được quét bằng CamScanner

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☑ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11../08/2026 tại đường dẫn: sondaibang.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:
- BCTC bán niên năm 2026
- Văn bản giải trình

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Anh

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 30/06/2026

Tháng 8 năm 2026

Được quét bằng CamScanner

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 -04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 31

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Cương	Thành viên
Ông Trịnh Lê Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện Theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả các sai lệch trọng yếu có được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100103619 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI H. THANH TRÌ - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Ngày 10 tháng 08 năm 2026

Được quét bằng CamScanner

Số. 21/BCSX-UHYHP

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 5, trong kỳ, Công ty thực hiện đầu tư theo hình thức ủy thác đầu tư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số DM_37/HĐQLDM ngày 13 tháng 01 năm 2026 được ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư SGI, thời hạn ủy thác là một năm, tổng số tiền ủy thác đầu tư là 20 tỷ đồng để mua 4.800.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiên Đường Hồng. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư này, do đó chúng tôi không đưa kết luận về tính giá trị của khoản mục này và các ảnh hưởng (nếu có) của nó đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có bất kỳ vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo số 174/2025/BCSX-CPA-VIETNAM-NV3 ngày 11 tháng 8 năm 2025 và số 81/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV3 ngày 25 tháng 02 năm 2026.

Nguyễn Hồng Hiện
Giám đốc Chi nhánh
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 1117-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2026

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Đã trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**243.699.210.509**	**206.974.472.788**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**17.928.591.564**	**45.344.118.877**
1. Tiền	111		17.928.591.564	45.344.118.877
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**93.536.246.575**	**58.875.734.247**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		73.536.246.575	58.875.734.247
2. Đầu tư ngắn hạn khác	125		20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**52.762.546.396**	**17.062.985.896**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	52.510.026.061	16.244.673.024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	251.598.735	405.425.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	921.600	436.070.042
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	(23.182.170)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**79.220.749.916**	**84.017.808.497**
1. Hàng tồn kho	141		80.132.132.096	85.001.766.677
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(911.382.180)	(983.958.180)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**251.076.058**	**1.673.825.271**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	10	85.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	332.314.425
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	15	166.076.058	1.341.510.846
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**19.192.220.049**	**20.226.104.291**
I. Tài sản cố định	**220**		**18.474.201.719**	**19.260.060.070**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	9.518.948.140	9.699.869.167
- Nguyên giá	*222*		*101.614.733.240*	*100.841.114.040*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(92.095.785.100)*	*(91.141.244.873)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	8.955.253.579	9.560.190.903
- Nguyên giá	*228*		*17.525.873.265*	*18.732.149.311*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(8.570.619.686)*	*(9.171.958.408)*
II. Tài sản dài hạn khác	**270**		**718.018.330**	**966.044.221**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10	718.018.330	966.044.221
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**262.891.430.558**	**227.200.577.079**

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Đã trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**46.998.701.498**	**29.832.950.885**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**46.998.701.498**	**29.832.950.885**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	17.660.977.613	6.688.514.017
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	910.870.514	2.680.777.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	15	7.799.327.628	1.747.427.359
4. Phải trả người lao động	315		8.596.810.192	9.018.341.370
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	16	1.820.874.167	1.616.151.568
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	5.185.860.283	3.979.981.638
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.023.981.101	4.101.757.205
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**215.892.729.060**	**197.367.626.194**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.270.860.000	120.270.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*120.270.860.000*	*120.270.860.000*
2. Thặng dư vốn	412		14.060.000.000	14.060.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.249.231.759	39.195.797.496
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.290.158.674	3.290.158.674
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		37.022.478.627	20.550.810.024
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*285.887.076*	*10.613.014*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*36.736.591.551*	*20.540.197.010*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**262.891.430.558**	**227.200.577.079**

Đỗ Minh Tâm	**Phạm Thu Hà**	**Nguyễn Ngọc Anh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, Ngày 10 tháng 08 năm 2026

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**258.130.854.751**	**226.478.628.576**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.117.613.764	12.109.054.861
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**21**	**244.013.240.987**	**214.369.573.715**
4. Giá vốn hàng bán	11	22	200.332.658.381	181.969.002.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**43.680.582.606**	**32.400.571.607**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	23	2.229.935.320	1.339.329.997
7. Chi phí tài chính	23	24	2.184.268.078	2.165.794.165
- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*55.302.944*	-
8. Chi phí bán hàng	25	25	8.712.241.988	7.798.467.392
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	14.497.755.153	12.230.407.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**20.516.252.707**	**11.545.232.799**
11. Thu nhập khác	31		28.117.960.403	22.727.273
12. Chi phí khác	32		1.978.604.104	29.517.116
13. Lợi nhuận khác	**40**	**26**	**26.139.356.299**	**(6.789.843)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**46.655.609.006**	**11.538.442.956**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	9.649.597.777	2.371.262.243
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**37.006.011.229**	**9.167.180.713**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	[illegible]077	662

M.S.D.N: 0100103619-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI H. THANH TRÌ - T.P HÀ NỘI

Đỗ Minh Tâm	**Phạm Thu Hà**	**Nguyễn Ngọc Anh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, Ngày 10 tháng 08 năm 2026

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*46.655.609.006*	*11.538.442.956*
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.617.700.949	1.535.518.669
Các khoản dự phòng	03		(95.758.170)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(1.422.284)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(30.347.895.723)	(1.357.173.968)
Chi phí đi vay đã trả	06		55.302.944	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*17.884.959.006*	*11.715.365.373*
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(34.168.629.117)	(4.432.056.399)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		4.869.634.581	(5.325.804.040)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.402.339.193	7.126.524.385
Tăng/giảm chi phí chờ phân bổ	12		163.025.891	225.938.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.203.200.869)	(2.462.305.623)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(104.977.267)	(95.230.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*(4.156.848.582)*	*6.752.432.048*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.092.500.000)	(538.687.146)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		28.378.617.805	22.727.273
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(72.660.512.328)	(52.000.000.000)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		58.000.000.000	25.000.000.000
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)	-
6.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.569.422.992	1.232.798.749
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(5.804.971.531)*	*(26.283.161.124)*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.453.707.200)	(18.762.254.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(17.453.707.200)*	*(18.762.254.160)*
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(27.415.527.313)	(38.292.983.236)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	45.344.118.877	90.111.757.334
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			1.422.284
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	17.928.591.564	51.820.196.382

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Đỗ Minh Tâm	**Phạm Thu Hà**	**Nguyễn Ngọc Anh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, Ngày 10 tháng 08 năm 2026

Được quét bằng CamScanner

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100103619 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2005 và thay đổi lần thứ 13 ngày 12/5/2026 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường UpCom với mã chứng khoán là HSP.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 là: 120.270.860.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Sản xuất sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kinh doanh hỗ trợ khác chưa được phân vào đâu;

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh sơn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trong vòng 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty thực hiện thanh lý tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất thuê tại 81 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội, giao dịch này tạo ra lợi nhuận khác là 28.117.960.403 đồng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính 31/12/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 đã được soát xét. Một số dữ liệu đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 như trình bày tại Thuyết Minh số 32.

Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 215 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 219).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các Chi nhánh không tổ chức hạch toán kế toán bao gồm:

+ Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội – Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ: Khu công nghiệp Minh Đức, phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên.

Được quét bằng CamScanner

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội

Địa chỉ: Lô M3, đường D3, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 5 Căn hộ số P1-5-49-A, 181 đường Cao Thắng (nối dài), Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Các thay đổi chỉ ảnh hưởng đến việc phân loại, trình bày, không làm thay đổi đáng kể tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại ngày 30/6/2026.

Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 32 của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Được quét bằng CamScanner

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn bị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Được quét bằng CamScanner

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	04 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh.

Được quét bằng CamScanner

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm quản lý.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn, chi phí chờ phân bổ dài hạn trên Báo cáo tài chính và được phân bổ trong thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí chờ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp theo các quy định kế toán hiện hành

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Được quét bằng CamScanner

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VNĐ") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế theo tỷ giá giao dịch mua bán chuyển khoản trung bình vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch mua bán chuyển khoản trung bình.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông: Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn: Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Được quét bằng CamScanner

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ/năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ/năm.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ/năm theo cơ sở dồn tích.

Được quét bằng CamScanner

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ/năm theo cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Được quét bằng CamScanner

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	318.272.680	3.724.322.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	17.610.318.884	41.619.795.888
Cộng	**17.928.591.564**	**45.344.118.877**

(*) Chi tiết số dư ngân hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
NH Công thương Đống đa	7.466.615.922	22.213.554.340
NH Ngoại thương Việt nam	9.747.254.597	18.825.210.701
Các ngân hàng khác	396.448.365	581.030.847
Cộng	**17.610.318.884**	**41.619.795.888**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu năm(Đã trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn	***93.536.246.575***	***73.536.246.575***	-	***58.875.734.247***	***58.875.734.247***	-
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	72.000.000.000	72.000.000.000	-	58.000.000.000	58.000.000.000	-
Lãi dự thu	1.536.246.575	1.536.246.575	-	875.734.247	875.734.247	-
Đầu tư	20.000.000.000	(*)	(*)	-	-	-
Cộng	**93.536.246.575**	**73.536.246.575**	-	**58.875.734.247**	**58.875.734.247**	-

(1) Phản ánh tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 12 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất 6,9%-8%/năm.

Được quét bằng CamScanner

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(2) Đầu tư theo hình thức ủy thác đầu tư trong vòng 12 tháng, danh mục chi tiết tại ngày 30/6/2026:

	Số cuối kỳ	
	SL cổ phần	VND
Cổ phiếu không niêm yết		
Công ty Cổ phần Thiên Đường Hồng	4.800.000	20.000.000.000

Công ty thực hiện khoản đầu tư này Theo hình thức ủy thác đầu tư cụ thể: tại hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số DM_37/HĐQLDM ngày 13/1/2026 (thời hạn 1 năm) được ký giữa công ty cổ phần Sơn tổng hợp Hà nội và Công ty quản lý quỹ đầu tư SGI (Công ty CP Quản lý quỹ SGI là đơn vị hợp pháp hoạt động lâu năm trong lĩnh vực đầu tư tài chính Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP của Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 29/10/2008), tổng số tiền ủy thác đầu tư là 20 tỷ để mua 4.800.000 cổ phiếu của công ty cổ phần Thiên Đường Hồng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***93.865.807.718***	-	***16.244.673.024***	-
Công ty Honda VN	11.154.244.404	-	7.735.168.015	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Sơn Đạt	3.425.534.048	-	1.052.181.999	-
Công ty CP Nhựa và cơ khí Hải Phòng	1.658.037.925	-	123.446.074	-
Công ty CP Hóa chất nhựa Đà Nẵng -TT KD hóa chất sơn	1.371.666.948	-	494.130.410	-
Công ty TNHH TM và Dịch vụ Bình Lâm	2.330.703.999	-	662.578.645	-
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	1.416.195.252	-	1.349.890.056	-
Công ty CPKD XNK TM Thăng Long Hà Nội	2.547.232.886	-	-	-
Công Ty TNHH SX Và TM Đạt Thành Phát	2.021.416.624	-	-	-
Công ty TNHH TM tổng hợp Thống Hảo	2.000.519.725	-	-	-
Công ty TNHH XD TM và dịch vụ Nam Hải	2.317.485.489	-	-	-
Công ty TNHH CN Chính Xác Việt Nam 1	1.108.613.559	-	771.502.930	-
Các khách hàng khác	21.158.375.202		4.055.774.895	
Cộng	52.510.026.061	-	16.244.673.024	-

Được quét bằng CamScanner

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	***251.598.735***	***405.425.000***
Công ty Cổ phần bao bì kim loại Việt Nam	-	144.168.454
Công ty TNHH Thái Thông Hưng Yên	-	103.915.916
Công ty CP thiết bị thủy lợi, thủy điện	59.290.000	-
Các nhà cung cấp khác	192.308.735	157.340.630
Cộng	**251.598.735**	**405.425.000**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	***921.600***	-	***436.070.042***	-
Phải thu khác	921.600		436.070.042	
Cộng	**921.600**	-	**436.070.042**	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.295.252.254	911.382.180	54.768.701.320	983.958.180
Thành phẩm	31.836.879.842	-	30.233.065.357	-
Cộng	**80.132.132.096**	**911.382.180**	**85.001.766.677**	**983.958.180**

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	***85.000.000***	-
Chi phí chờ phân bổ khác	85.000.000	-
Dài hạn	***718.018.330***	***966.044.221***
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	718.018.330	966.044.221
Chi phí chờ phân bổ khác	11.445.583	25.180.279
Cộng	**803.018.330**	**966.044.221**

Được quét bằng CamScanner

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	**23.855.614.391**	**46.939.197.049**	**16.075.976.797**	**13.970.325.803**	**100.841.114.040**
Mua trong năm	-	-	1.092.500.000	-	1.092.500.000
Thanh lý, nhượng bán	(318.880.800)	-	-	-	(318.880.800)
Tại ngày cuối kỳ	**23.536.733.591**	**46.939.197.049**	**17.168.476.797**	**13.970.325.803**	**101.614.733.240**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	**21.516.757.125**	**45.438.333.898**	**10.462.426.613**	**13.723.727.237**	**91.141.244.873**
Khấu hao trong năm	349.852.866	170.631.168	719.423.429	33.513.564	1.273.421.027
Thanh lý, nhượng bán	(318.880.800)	-	-	-	(318.880.800)
Tại ngày cuối kỳ	**21.547.729.191**	**45.608.965.066**	**11.181.850.042**	**13.757.240.801**	**92.095.785.100**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2026	**2.338.857.266**	**1.500.863.151**	**5.613.550.184**	**246.598.566**	**9.699.869.167**
Số dư tại 30/06/2026	**1.989.004.400**	**1.330.231.983**	**5.986.626.755**	**213.085.002**	**9.518.948.140**

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 với giá trị 84.827.738.286 đồng (01/01/2026: 83.303.669.995 đồng).

Danh mục TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ chủ yếu là giá trị nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị giá trị không quá 10% tổng nguyên giá.

Được quét bằng CamScanner

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2026	**17.261.158.686**	**1.470.990.625**	**18.732.149.311**
Thanh lý, nhượng bán	(1.206.276.046)	-	(1.206.276.046)
Số dư tại 30/06/2026	**16.054.882.640**	**1.470.990.625**	**17.525.873.265**
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2026	**8.014.810.848**	**1.157.147.560**	**9.171.958.408**
Khấu hao trong kỳ	210.465.998	133.813.924	344.279.922
Thanh lý, nhượng bán	(945.618.644)	-	(945.618.644)
Số dư tại 30/06/2026	**7.279.658.202**	**1.290.961.484**	**8.570.619.686**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			-
Số dư tại 01/01/2026	**9.246.347.838**	**313.843.065**	**9.560.190.903**
Số dư tại 30/06/2026	**8.775.224.438**	**180.029.141**	**8.955.253.579**

Danh mục TSCĐ vô hình đang hiện hữu trong kỳ có nguyên giá trên 10% tổng nguyên giá:

Tên tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
	VND	VND	VND
Chi phí để có quyền sử dụng đất tại Hưng Yên	14.500.000.000	6.030.681.810	8.469.318.190
Các tài sản cố định vô hình khác	3.025.873.265	2.539.937.876	485.935.389
Cộng	**17.525.873.265**	**8.570.619.686**	**8.955.253.579**

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 với giá trị 1.155.864.000 đồng.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Thanh liệt, Thành phố Hà Nội thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 1/4/2002. Diện tích đất bao gồm 4.914 m2 sử dụng làm trụ sở làm việc, và 141,9 m2 sử dụng hàng năm nằm trong chỉ giới đường đỏ khi Nhà nước thu hồi Công ty phải bàn giao lại; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 895134 cấp ngày 28/9/2018.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 18/1/2057 tại phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo hình thức thuê trả tiền hàng năm 20.488 m2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 453932 cấp ngày 01/03/2013.

Được quét bằng CamScanner

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	*17.660.977.613*	*6.688.514.017*
Công ty CP FSI Việt Nam	1.453.199.400	673.650.000
Công ty TNHH Thương mại Hà Anh Phát	4.678.674.264	3.154.655.203
Công ty TNHH Thương mại Hạnh Đức	-	1.550.835.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại SII	2.510.019.858	-
Công ty Cổ phần Bao bì Kim loại Việt Nam	1.993.586.796	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Phát	1.716.336.000	232.599.384
Công ty TNHH Kim Hải Châu	1.744.836.120	-
Công ty Cổ Phần hóa chất Thăng Long	-	758.454.430
Các nhà Cung cấp khác	3.564.325.175	318.320.000
Cộng	**17.660.977.613**	**6.688.514.017**

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	*910.870.514*	*2.680.777.728*
Công ty TNHH Xây dựng TM và DV Nam Hải	-	262.468.776
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông nghiệp Goku	456.000.000	-
Công ty TNHH Mizuki Việt Nam	345.000.000	345.000.000
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Việt Anh	-	349.686.774
Công ty CP Dịch vụ Thương mại và Đầu tư Vạn An	-	267.462.660
Đối tượng khác	109.870.514	1.456.159.518
Cộng	**910.870.514**	**2.680.777.728**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp/ thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	*1.747.427.359*	*20.208.040.261*	*14.156.139.992*	*7.799.327.628*
Thuế giá trị gia tăng	-	6.976.952.692	5.361.287.976	1.615.664.716
Thuế GTGT hàng NK	-	1.338.649.247	1.338.649.247	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	95.964.060	95.964.060	-
Thuế thu nhập DN	1.598.200.869	9.649.597.777	5.203.200.869	6.044.597.777
Thuế thu nhập cá nhân	140.102.667	705.252.679	835.105.346	10.250.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.224.508.523	1.224.508.523	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	9.123.823	217.115.283	97.423.971	128.815.135
Phải thu	*1.341.510.846*	-	*1.175.434.788*	*166.076.058*
Thuế tài nguyên	12.800	-	-	12.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.341.498.046	-	1.175.434.788	166.063.258

Được quét bằng CamScanner

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	***1.820.874.167***	***1.616.151.568***
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	1.507.497.596	732.225.520
Chiết khấu bán hàng, chiết khấu thanh toán	-	366.556.420
Các khoản trích trước khác;	313.376.571	517.369.628
Cộng	**1.820.874.167**	**1.616.151.568**

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	*5.185.860.283*	*3.979.981.638*
Kinh phí công đoàn	2.396.482.100	2.404.214.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.789.378.183	1.575.766.938
Cộng	**5.185.860.283**	**3.979.981.638**

Được quét bằng CamScanner

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	**120.270.860.000**	**14.060.000.000**	**38.151.435.908**	**3.290.158.674**	**20.861.590.350**	**196.634.044.932**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	20.540.197.010	20.540.197.010
Trích lập quỹ	-	-	1.044.361.588	-	-	1.044.361.588
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.850.977.336)	(20.850.977.336)
Tại ngày 31/12/2025	**120.270.860.000**	**14.060.000.000**	**39.195.797.496**	**3.290.158.674**	**20.550.810.024**	**197.367.626.194**
Lãi trong năm nay					37.006.011.229	37.006.011.229
Trích lập quỹ	-	-	2.053.434.263	-	-	2.053.434.263
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(20.534.342.626)	(20.534.342.626)
Tại ngày 30/06/2026	**120.270.860.000**	**14.060.000.000**	**41.249.231.759**	**3.290.158.674**	**37.022.478.627**	**215.892.729.060**

(*) Căn cứ Nghị quyết 512026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2026 của ĐHĐCĐ, ĐHĐCĐ Công ty thông qua việc phân phối lợi nhuận và phê duyệt các quỹ như sau:

(-) Quỹ đầu tư phát triển: 2.053.434.263 VND;

(-) Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.027.201.163 VND và,

(-) Chia cổ tức bằng tiền mặt: 17.453.707.200 VND.

Được quét bằng CamScanner

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của công ty là 120.270.860.000 đồng. Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/06/2026 như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam	37.000.000.000	30,76	37.000.000.000	30,76
Các cổ đông khác	83.270.860.000	69,24	83.270.860.000	69,24
Cộng	**120.270.860.000**	**100**	**120.270.860.000**	**100**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*120.270.860.000*	*120.270.860.000*
- Vốn góp cuối kỳ	*120.270.860.000*	*120.270.860.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.453.707.200	18.762.254.160

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.027.086	12.027.086
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	*12.027.086*	*12.027.086*
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.027.086	12.027.086
- Cổ phiếu phổ thông	*12.027.086*	*12.027.086*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	7.071,66	7.078,26

Được quét bằng CamScanner

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu:

Theo lĩnh vực kinh doanh, trong đó doanh thu bán thành phẩm sơn các loại là hoạt động chính; hoạt động cho thuê kho bãi, vận chuyển là hoạt động thứ yếu:

Kỳ này

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Bán thành phẩm	243.356.927.497	200.332.658.381	43.024.269.116
Hoạt động khác	656.313.490	-	656.313.490
Cộng	**244.013.240.987**	**200.332.658.381**	**43.680.582.606**

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Bán thành phẩm	214.369.573.715	181.969.002.108	32.400.571.607
Hoạt động khác	-	-	-
Cộng	**214.369.573.715**	**181.969.002.108**	**32.400.571.607**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính tại địa bàn Miền Bắc.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong kì	***258.130.854.751***	***226.478.628.576***
Doanh thu bán thành phẩm	257.474.541.261	226.478.628.576
Doanh thu hoạt động khác	656.313.490	-
Các khoản giảm trừ	***14.117.613.764***	***12.109.054.861***
Chiết khấu thương mại	14.061.847.214	11.958.331.861
Hàng bán bị trả lại	55.766.550	150.723.000
Doanh thu thuần	**244.013.240.987**	**214.369.573.715**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	200.405.234.381	181.969.002.108
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(72.576.000)	-
Cộng	**200.332.658.381**	**181.969.002.108**

Được quét bằng CamScanner

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.229.935.320	1.334.446.695
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.461.018
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.422.284
Cộng	**2.229.935.320**	**1.339.329.997**

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí chiết khấu thanh toán	2.128.965.134	2.165.794.165
Lãi tiền vay	55.302.944	-
Cộng	**2.184.268.078**	**2.165.794.165**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	***8.712.241.988***	***7.798.467.392***
Chi phí nhân viên	3.994.530.137	3.643.859.463
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	32.906.369	17.944.043
Chi phí khấu hao	16.910.316	16.910.316
Thuế, phí và lệ phí	-	42.023.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	4.667.895.166	4.077.730.487
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	***14.497.755.153***	***12.230.407.248***
Chi phí nhân viên quản lý	6.768.945.341	4.756.576.790
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	387.831.710	247.101.903
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.313.601.737	*1.245.255.662*
Thuế, phí và lệ phí	1.224.508.523	1.184.115.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.802.867.842	4.797.356.927

Được quét bằng CamScanner

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập khác	***28.117.960.403***	***22.727.273***
Thu thanh lý tài sản (*)	28.117.960.403	22.727.273
Chi phí khác	***1.978.604.104***	***29.517.116***
Tiêu hủy hàng tồn kho	1.729.239.590	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính về thuế	240.083.508	12.127.439
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	12.811.551
Các khoản chi phí khác	9.281.006	4.578.126
Lợi nhuận khác	**26.139.356.299**	**(6.789.843)**

(*) Trong kỳ, Công ty thanh lý tài sản cố định trên đất kèm theo quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm tại 81 Hào Nam theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 24/11/2025 và văn bản số 126/2025 ngày 27/11/2026.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	**46.655.609.006**	**11.538.442.956**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**607.119.766**	**317.868.260**
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	607.119.766	317.868.260
Chi phí khấu hao	*325.755.252*	*268.329.270*
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	*32.000.000*	*24.600.000*
Chi phí không hợp lệ	*249.364.514*	*24.938.990*
Thu nhập chịu thuế	**47.262.728.772**	**11.856.311.216**
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**9.452.545.754**	**2.371.262.243**
Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	9.452.545.754	2.371.262.243
Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm trước	197.052.023	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**9.649.597.777**	**2.371.262.243**

Được quét bằng CamScanner

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	**37.006.011.229**	**9.167.180.713**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	*(1.207.201.163)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	37.006.011.229	7.959.979.550
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.027.086	12.027.086
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.077**	**662**

(*) Lãi cơ bản trên cổ phần năm trước được trình bày lại do việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 512026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 được trình bày lại là 662 VND/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 762 VND/cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu của cùng kỳ năm 2026 chưa bị điều chỉnh bởi các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026 do chưa có thông tin.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.217.213.509	173.418.553.393
Chi phí nhân công	23.834.893.724	20.018.231.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.617.700.949	1.535.518.669
Thuế, phí, lệ phí	1.224.508.523	1.226.139.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	8.252.153.302	10.999.131.834
Cộng	**225.146.470.007**	**207.197.574.549**

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ ngày 01/01 đến 30/6
	Kỳ này
	VND
Tiền thuê đất ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ	1.175.434.788

Ghi chú:
Tiền thuê đất tại:
(1) Hợp đồng thuê đất số 181/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 4/4/2018 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và môi trường là đại diện) tại phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội. Cụ thể:
Diện tích thuê 20.505,9 m^2; hình thức: trả tiền hàng năm
Mục đích thuê: Trụ sở làm việc, nhà xưởng, nhà kho

Được quét bằng CamScanner

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 01/4/2002.
Đơn giá thuê đất như sau:
(-) Nhà xưởng, nhà kho: 60.840 VND/m²/năm.
(-) Nhà văn phòng: 119.895 VND/m²/năm.

(2) Hợp đồng chuyển nhượng ngày 25/11/2010. Cụ thể:

Diện tích thuê 20.488 m²; hình thức: trả tiền hàng năm
Mục đích thuê: Trụ sở làm việc, nhà xưởng, nhà kho
Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 01/4/2002.
Đơn giá thuê đất: 33.600 /m²/năm (ổn định đến 27/3/2028)

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cương	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên HĐQT
Bà Phạm Thu Hà	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng BKS
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên BKS
Ông Vương Tuấn Anh	Ủy viên BKS
Các cá nhân là người có liên quan đến các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát	Ảnh hưởng đáng

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Lương và thu nhập BGĐ

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	***89.600.000***	***83.100.000***
Ông Nguyễn Thiện Ái	25.600.000	24.300.000
Ông Nguyễn Ngọc Anh	16.000.000	14.700.000
Ông Nguyễn Mạnh Đức	16.000.000	14.700.000
Ông Nguyễn Xuân Cương	16.000.000	14.700.000
Ông Trịnh Lê Minh	16.000.000	14.700.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc	***620.099.993***	***530.057.223***
Ông Nguyễn Ngọc Anh	327.777.300	277.823.750
Ông Nguyễn Mạnh Đức	292.322.693	252.233.473

Được quét bằng CamScanner

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Kế toán trưởng, thù lao của Ban kiểm soát:

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Ông Nguyễn Minh Đức	13.600.000	12.300.000
Ông Vương Tuấn Anh	11.200.000	9.900.000
Bà Phạm Thị Huyền	11.200.000	9.900.000
Bà Phạm Thu Hà	239.894.100	174.801.325

Số dư với các bên liên quan: Không

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Dữ liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác. Một số dữ liệu đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, chi tiết như sau:

Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính

	Số đầu năm (Đã kiểm toán)		Số đầu năm (Trình bày lại)		Chênh lệch
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền	Số tiền
		VND		VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	58.000.000.000	123	58.875.734.247	875.734.247
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.311.804.289	135	436.070.042	(875.734.247)

Đỗ Minh Tâm	**Phạm Thu Hà**	**Nguyễn Ngọc Anh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, Ngày 10 tháng 08 năm 2026

Được quét bằng CamScanner